

## ẢNH HƯỞNG CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC ĐẾN PHÁT TRIỂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ<sup>1</sup>

**ThS. Phan Văn Cường**  
**Viện Chiến lược và Chính sách dân tộc**  
**Học viện Dân tộc**

**Tóm tắt:** *Bối cảnh thế giới và trong nước hiện nay đang diễn ra sự thay đổi mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, chính trị..., có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có vùng dân tộc thiểu số ở nước ta. Bài viết phân tích những ảnh hưởng của tình hình quốc tế và trong nước đến sự phát triển vùng dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp chính sách để phát huy, tận dụng những thời cơ, thuận lợi và hạn chế những tác động tiêu cực, bất lợi đến phát triển vùng dân tộc thiểu số nước ta. Đồng thời bổ sung xây dựng chính sách phù hợp với bối cảnh tình hình, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và trao quyền cho người dân trong việc đề xuất và thực thi chính sách dân tộc.*

**Từ khóa:** *Bối cảnh trong nước, bối cảnh quốc tế, vùng dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc.*

**Abstract:** *The rapid changes in all fields of the contemporary world have impacted largely many regions, countries, and ethnic groups, including Vietnam. This article examines some influences of international and national issues on the development of ethnic minority regions in Vietnam. Thereby, this article presents some policy solutions to promote and to take for granted the good opportunities and to minimize the limitation of the development of the ethnic minority regions in Vietnam. Beside enhancing and completing policies and on the basement of sciences and technology, this article recommends that local people should be empowered to participate in the policymaking and implementing processes.*

**Keywords:** *Domestic and the international context, ethnic minority regions, ethnic policies.*

*Ngày nhận bài: 31/7/2020; ngày gửi phản biện: 30/12/2021; ngày duyệt đăng: 30/1/2021*

---

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ: “Nghiên cứu, đề xuất chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030” do TS. Hoàng Xuân Lương làm chủ nhiệm, Viện Chiến lược và Chính sách dân tộc thuộc Học viện Dân tộc là cơ quan chủ trì.

## Mở đầu

Bối cảnh thế giới và trong nước hiện nay đang trải qua thời kỳ nhiều biến động nhanh chóng và phức tạp. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh để giành vị thế và lợi ích, gây ra tình hình phức tạp tại nhiều khu vực, nhiều nước trên thế giới. Xung đột dân tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế, chiến tranh cục bộ, chiến tranh kinh tế... diễn ra dưới những hình thức mới, gay gắt hơn. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang là hai xu thế lớn, chi phối sâu sắc tiến trình phát triển của nhân loại. Những đột phá công nghệ đang diễn ra nhanh chóng trong nhiều lĩnh vực. Những vấn đề trên tác động không nhỏ đến hệ thống chính sách của Nhà nước ta nhằm đưa đất nước thích ứng, phát triển với xu thế mới của thế giới.

Năm 2020 là năm quan trọng đánh dấu nhiều sự kiện lớn của Việt Nam. Trong đó, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đang chỉ đạo tổng kết Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020); xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn 2045. Đây là cơ sở để Chính phủ ban hành Chiến lược công tác dân tộc, chính sách dân tộc cho giai đoạn 2021 - 2030. Tình hình chính trị của nước ta ổn định, niềm tin của nhân dân, đồng bào các dân tộc vào Đảng, Nhà nước và chế độ ta ngày càng được củng cố, Nhà nước pháp quyền XHCN tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn (Ủy ban Dân tộc, 2019). Thực hiện chủ trương, đường lối nhất quán của Đảng về công tác dân tộc, những năm qua, mặc dù nguồn lực còn khó khăn nhưng Chính phủ đã ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tập trung xây dựng hàng vạn công trình hạ tầng cho vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi, chủ yếu đường giao thông, hệ thống điện, thủy lợi, nước sạch, trường học, lớp học, trạm y tế, nhà văn hóa, chợ nông thôn,... Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các địa phương vùng DTTS và miền núi khá cao.

Với bối cảnh như trên, bài viết tập trung phân tích những ảnh hưởng của tình hình quốc tế và trong nước đến sự phát triển vùng DTTS. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp chính sách để phát huy, tận dụng những thời cơ, thuận lợi và hạn chế những tác động tiêu cực, bất lợi đến phát triển ở vùng DTTS.

### 1. Ảnh hưởng từ bối cảnh quốc tế

Đặc điểm nổi bật của thế giới hiện nay là quá trình toàn cầu hóa diễn ra ngày càng rộng lớn và sâu sắc. Xu thế hợp tác, cộng tác, phối hợp phát triển, đi đôi với cạnh tranh, đấu tranh giữa các quốc gia, các tập đoàn, ngày càng trở nên phổ biến. Các âm mưu về diễn biến hòa bình, vấn đề xung đột dân tộc, tôn giáo, ly khai, tự trị và tranh chấp biển đảo cũng đang là những điểm nóng diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới. Nhất là đối với các quốc gia đa dân tộc, các thế lực đối lập luôn lợi dụng vấn đề mở cửa, hội nhập để lôi kéo, kích động, bội nhọ, xuyên tạc chế độ chính trị hòng làm phá vỡ đoàn kết giữa các dân tộc.

Có thể nói thế giới đã có sự thay đổi nhanh chóng về sản xuất, tiêu dùng, lối sống, văn hóa nhờ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ. Công nghệ thông tin, viễn thông làm cho thế giới “phẳng” hơn, con người gần nhau hơn, khoảng cách về địa lý không còn là vấn đề trở ngại. Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 đã và đang làm thay đổi sản xuất, tư duy, lối sống, văn hóa của con người. Cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là những xu hướng mới trong các ngành năng lượng, sinh học, vật liệu mới, bảo vệ môi trường, được sự hỗ trợ của công nghệ thông tin tốc độ cao sẽ phục vụ đắc lực cho việc phát triển nhanh kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững cho đồng bào các dân tộc. Đồng bào các dân tộc có điều kiện tiếp thu tri thức nhân loại, cải tiến công nghệ, đổi mới tư duy phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Đồng thời việc học hỏi và ứng dụng các công nghệ hiện đại cũng là cơ sở quan trọng để đồng bào cải thiện trình độ sản xuất và ứng phó với các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu.

Trước những vấn đề lớn đó, đòi hỏi Việt Nam phải hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Việc đặt quan hệ ngoại giao, kinh tế với gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; tham gia, trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế toàn cầu và khu vực (Liên hợp quốc, Tổ chức thương mại quốc tế, Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế, tổ chức ASEAN...); đã ký 16 hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương, trong đó có những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (WB & Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2016)... đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nhờ hội nhập, Việt Nam đã mở rộng thị trường cho xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn vốn, thành tựu khoa học - công nghệ... để đạt được những thành tựu phát triển như những năm qua. Trong những năm tới, các nền tảng hội nhập kinh tế quốc tế đã xây dựng được, những hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã ký kết sẽ có hiệu lực và tiếp tục mở ra cơ hội cho Việt Nam tiếp tục phát triển. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi nước ta phải đẩy mạnh cải cách thể chế, ký kết tham gia các quy định, công ước quốc tế về quyền và nhân quyền..., trong đó thực hiện tốt các quy chế dân chủ tạo ra các cơ hội để người dân các DTTS số tham gia nhiều hơn trong đời sống chính trị, kinh tế - xã hội, làm cho quan hệ dân tộc ngày càng được củng cố, tốt đẹp. Các DTTS rất ít người có cơ hội cải thiện điều kiện sống, thắt chặt tình đoàn kết các dân tộc, các dân tộc có cơ hội, điều kiện bình đẳng trên các lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, xã hội.

Xu hướng “Hòa bình, hợp tác và cùng phát triển” trong khu vực cũng như trên thế giới ngày càng tạo ra cho Việt Nam cơ hội để duy trì hòa bình, thu hút đầu tư, tạo thêm nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội ở vùng DTTS. So với giai đoạn trước, các thách thức, đe dọa về an ninh và phát triển đối với nước ta mặc dù lớn hơn, song điều này càng thúc đẩy phải quyết tâm tập trung nguồn lực để phát triển, đặc biệt là các khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa..., để nhanh chóng nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc, nâng cao năng lực nội sinh, không để kẻ xấu lợi dụng hạn chế yếu kém trong thực hiện chính sách dân tộc,

lợi dụng khó khăn của đồng bào nhằm lôi kéo, kích động, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, chia cắt toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Tình hình an ninh, chính trị trong khu vực và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, cũng là động lực để thực hiện tốt công tác phân định biên giới, cắm mốc trên các tuyến biên giới Việt - Trung, Việt - Lào, Việt Nam - Campuchia. Trong đó, ngân sách nhà nước ưu tiên triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ổn định biên giới tạo điều kiện cho đồng bào các dân tộc vùng này cải thiện cuộc sống, hạn chế du canh, du cư. Nhờ các chính sách hội nhập kinh tế, hòa bình trong khu vực, đồng bào các dân tộc có điều kiện đi lại, có cơ hội buôn bán, tiêu thụ sản phẩm, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.

## **2. Ảnh hưởng từ bối cảnh trong nước**

### **2.1. Vấn đề kinh tế - xã hội**

Từ Đổi mới 1986 đến nay, kinh tế Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp. Từ 2002 đến 2018, GDP đầu người tăng 2,7 lần, đạt trên 2.700 USD năm 2019, với hơn 45 triệu người thoát nghèo (Ủy ban Dân tộc, 2019). Tỷ lệ nghèo giảm mạnh từ hơn 70% xuống còn dưới 6% (3,2 USD/ngày theo sức mua ngang giá). Đại bộ phận người nghèo ở Việt Nam là DTTS, chiếm khoảng trên 55%, trong khi dân số chỉ chiếm 14% (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, 2018). Năm 2019, kinh tế Việt Nam tiếp tục cho thấy bước chuyển biến mạnh mẽ với khả năng chống chịu cao, nhờ sản xuất trong nước và định hướng xuất khẩu gia tăng ổn định. Số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê công bố cho thấy GDP tăng khoảng 7% trong năm 2019, gần với tỷ lệ tăng trưởng năm 2018 và Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực.

Năm 2020 vừa qua, Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19. Song, trước nhiều biện pháp đối phó chủ động của các cấp trung ương và địa phương, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng GDP là 3,8% trong quý đầu năm 2020. Tác động của cuộc khủng hoảng COVID-19 đang diễn ra là khó dự đoán, tùy thuộc vào quy mô và thời gian kéo dài của dịch bệnh. Tăng trưởng kinh tế năm 2020 đã giảm xuống còn hơn 2,8% so với tỷ lệ 6,5% được dự báo trước khủng hoảng. Yêu cầu lên tài chính công gia tăng do thu ngân sách giảm xuống trong khi chi ngân sách tăng lên vì cần khởi động gói kích cầu để giảm thiểu tác động của đại dịch đối với các hộ gia đình và doanh nghiệp. Nhờ có nền tảng cơ bản tốt và nếu tình hình dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát ở Việt Nam cũng như trên thế giới, kinh tế Việt Nam sẽ hồi phục vào năm 2021. Điều đó cũng cho thấy mục tiêu của Việt Nam là cần phải cải cách mạnh mẽ hơn để giúp kinh tế phục hồi trong trung hạn, như cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy kinh tế số, nâng cao hiệu quả đầu tư công, đây là các nội dung chính mà Việt Nam cần cân nhắc để cải cách nhanh và mạnh hơn.

Những khó khăn, tồn tại trong nhiều năm qua vẫn chưa được khắc phục, như hệ thống hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc, thủy lợi, chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả của bộ máy

hành chính chưa hoàn thiện, năng suất lao động và hàm lượng chất xám còn thấp, năng lực cạnh tranh chưa được cải thiện đáng kể, việc quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên chưa hiệu quả, việc phân bổ các nguồn lực chưa thực sự cân đối và hợp lý, tiếp tục là những trở ngại chính đối với phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo ở vùng dân tộc. Điều này có thể tạo ra khoảng cách về trình độ phát triển ngày càng rộng giữa vùng dân tộc so với vùng đồng bằng, đô thị và mức bình quân của cả nước.

Đất nước đang trong giai đoạn khó khăn hơn do những yếu kém, tồn tại từ bên trong và những thách thức từ bên ngoài. Quá trình hội nhập toàn diện là cơ hội để phát triển, song lại làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, đòi hỏi các bên tham gia phải tuân thủ luật chơi chung. Thực tế nói trên tạo ra sức ép với đội ngũ doanh nghiệp, người lao động trong tìm kiếm việc làm, nâng cao thu nhập. Mặt khác, yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế ngày càng trở nên bức thiết. Nếu không nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng xuất lao động thì đồng bào DTTS sẽ khó tìm được việc làm thu nhập cao trong các khu đô thị, khu công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu lao động trong vùng dân tộc. Mặt trái của hội nhập, kinh tế thị trường sẽ tác động xấu đến vùng dân tộc thiểu số như: phân hóa giàu nghèo, gia tăng khoảng cách thu nhập so với dân tộc Kinh, dân tộc Hoa. Tình trạng mất đất, mất rừng do phát triển thủy điện, khai khoáng, công nghiệp, khan hiếm, ô nhiễm nguồn nước gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống đồng bào DTTS.

Trong bối cảnh mới hiện nay, nước ta đang phải đối mặt với hầu hết các vấn đề an ninh phi truyền thống liên quan tới nguồn nước, năng lượng, lương thực, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, an ninh mạng. Thực tế này đòi hỏi chúng ta phải dành những nguồn lực thích đáng, đồng thời khẩn trương vận động sự hỗ trợ của quốc tế cho việc ứng phó, phòng ngừa và giảm thiểu những tác động tiêu cực của các thách thức nói trên. Bên cạnh đó, gia tăng căng thẳng tại Biển Đông trong những năm tới có thể tác động rất lớn đến các mặt của đời sống kinh tế, xã hội, tới quan hệ các dân tộc, đến chiến lược xây dựng khối đoàn kết dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Những yếu kém chậm được khắc phục trong công tác dân tộc, cùng với những bất ổn về an ninh đối với vùng dân tộc nước ta là thách thức không nhỏ trong tương lai.

## **2.2. Vấn đề chính trị - an ninh**

Thời gian qua, quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc có nhiều diễn biến theo chiều hướng ngày càng xấu đi trên cả hai phương diện chính trị, kinh tế. Trong khi nước ta có 7 tỉnh, với khoảng 1.350km biên giới đất liền tiếp giáp với Trung Quốc, đồng thời nước ta lại có quan hệ toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hóa với Mỹ. Cộng đồng ASEAN, trong đó có Việt Nam đã tăng cường hợp tác với ba cột trụ chính là chính trị, kinh tế và văn hóa, nhưng gần đây các tranh chấp trên Biển Đông đang có nhiều diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng rất lớn tới lợi ích của các nước, đến hòa bình, ổn định và phát triển của khu vực và thế giới. Điều này tác động trực tiếp đến việc triển khai, thực thi các chính sách phát triển vùng đồng

bào DTTS ở khu vực biên giới

Quan hệ dân tộc hai bên biên giới nước ta với Trung Quốc, Lào và Campuchia trong bối cảnh có nhiều biến động đang là những thách thức an ninh từ hai sườn Đông, Tây có thể diễn biến phức tạp hơn do những thay đổi trong chính trị nội bộ và chính sách đối ngoại của các nước láng giềng. Trong bối cảnh tình hình qua lại giao lưu dân cư, dân tộc hai bên biên giới sẽ ngày càng tự do, khó kiểm soát. Đồng bào các dân tộc nhất là dân tộc Khơ-me, ngoài thăm thân, làm ăn kinh tế còn có quan hệ về tôn giáo. Tác động qua lại trong quá trình giao lưu là không thể tránh khỏi những vấn đề về buôn lậu, an ninh quốc phòng và trật tự xã hội.

Sức ép từ các vấn đề an ninh, dân chủ - nhân quyền, tôn giáo, dân tộc, cùng với các trào lưu đa nguyên, đa đảng... vẫn đặt ra nguy cơ thường trực về “tự chuyển hóa”, “diễn biến hòa bình”. Công nghệ thông tin, các mạng xã hội tạo điều kiện cho sự câu kết giữa các lực lượng bên trong và bên ngoài nhằm kích động bạo loạn, gây bất ổn chính trị. Biến động tại một số nước và khu vực thời gian qua đang đặt ra nhiệm vụ nặng nề về bảo vệ an ninh Tổ quốc đi đôi với hội nhập sâu rộng, toàn diện ở vùng dân tộc. Với bối cảnh đó, tình hình trong nước đã tác động vừa trực tiếp, vừa gián tiếp tạo ra cả thời cơ, thuận lợi cũng như khó khăn, thách thức cho công tác dân tộc, quan hệ dân tộc, đặt ra nhiều vấn đề mới, phức tạp hơn cần phải giải quyết và đổi mới chính sách dân tộc trong thời gian tới.

### 3. Một số giải pháp

Từ những vấn đề trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp chính sách với mong muốn phát triển ổn định vùng DTTS như sau:

*Một là*, sửa đổi, bổ sung khắc phục các hạn chế của hệ thống chính sách dân tộc hiện hành. Trong thời gian tới cần sửa đổi, bổ sung khắc phục một số bất cập của hệ thống chính sách hiện hành, trong đó đặc biệt chú ý: (i) Hệ thống chính sách dân tộc chưa chú trọng giải quyết những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc; (ii) Quán triệt sâu sắc quan điểm “trao quyền” xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc cho người dân, đồng bào DTTS thụ hưởng chính sách. Lấy người dân làm trung tâm, điểm đến của chính sách; (iii) Chính sách dân tộc phải gắn với chính sách tôn giáo trong vùng dân tộc; (iv) Sửa đổi một số chính sách dân tộc gây ra hiệu ứng tiêu cực đến mối quan hệ dân tộc, đoàn kết dân tộc cho phù hợp và hiệu quả,...

*Hai là*, đổi mới hệ thống chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế. Hệ thống chính sách cần phải chú ý đến tính phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế. Trong điều kiện là một quốc gia đang phát triển, nguồn lực có hạn, do vậy một trong những yêu cầu là phải có sự tính toán cho phù hợp, không chỉ trong điều kiện khuôn khổ có hạn về tài chính mà còn phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, năng lực tổ chức thực hiện,... Ngoài ra còn phải tính toán đến sự phù hợp với tình hình quốc tế. Một mặt phải tiếp cận, học hỏi các bài học chính sách của các nước có điều kiện tương đồng trong giải quyết vấn đề dân tộc; mặt khác

phải xem xét một cách nghiêm túc, phù hợp với những quy định trong các điều ước, công ước và luật pháp quốc tế mà Việt Nam đã cam kết tham gia.

*Ba là*, cần tôn trọng quyền lợi, lợi ích kinh tế của đồng bào các dân tộc. Khi và chỉ khi quyền lợi và lợi ích kinh tế của các tộc người được xác lập và đảm bảo trên cơ sở phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của quốc gia, hài hòa với các tộc người khác thì sẽ là cơ sở, nền tảng để giải quyết các vấn đề khác trong quan hệ dân tộc. Khi quyền lợi và lợi ích kinh tế của các tộc người không được đảm bảo nhất là trong tương quan với các tộc người khác, đặc biệt là so với tộc người đa số sẽ là căn nguyên làm gia tăng những vấn đề mới, xuất hiện những nguy cơ mới đe dọa sự ổn định và phát triển của đất nước.

*Bốn là*, tập trung nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh sản xuất và xóa đói, giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào DTTS và miền núi. Xây dựng cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào, nhất là các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, đường đến trung tâm các xã, thôn, bản, đường liên thôn; các công trình nước sinh hoạt, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa phải kiên cố hóa; đảm bảo các hộ DTTS được sử dụng điện lưới quốc gia. Bổ sung nguồn lực duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng vùng đồng bào DTTS và miền núi. Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của đồng bào.

Triển khai có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, có giải pháp thúc đẩy thay đổi sinh kế cho đồng bào. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển dần nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn gắn với thị trường, nâng cao giá trị cho sản phẩm. Hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; nhân rộng các mô hình hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản, độc đáo, giá trị cao phù hợp với tiềm năng, thế mạnh từng vùng.

Nâng cao thu nhập cho đồng bào DTTS thông qua các chính sách đất sản xuất, tín dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề có địa chỉ; khuyến khích bộ phận lao động có đủ điều kiện đi làm việc tại các doanh nghiệp, các khu công nghiệp, lao động ở nước ngoài; hỗ trợ lao động tại chỗ tiếp cận việc làm phi nông nghiệp, tham gia chuỗi liên kết thông qua tổ, nhóm, đoàn viên, hội viên của các tổ chức chính trị - xã hội, kết nối hộ gia đình với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất; khai thác thế mạnh của địa phương, phù hợp với văn hóa, tập quán từng dân tộc; gắn kết chặt chẽ nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách với vốn vay tín dụng ưu đãi, tăng cường nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các dự án giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Đổi mới cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào vùng DTTS và miền núi. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ cho khởi nghiệp, tiêu thụ sản phẩm,

tiếp cận thị trường, giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS. Nghiên cứu, sửa đổi chính sách tín dụng cho phát triển sản xuất theo dự án vừa và nhỏ với lãi suất ưu đãi, kéo dài thời gian cho vay đối với cơ sở sử dụng trên 30% lao động là người DTTS; khắc phục triệt để tình trạng tín dụng đen ở vùng đồng bào DTTS và miền núi. Hoàn thành và xây dựng các dự án định canh, định cư mới gắn với quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư; bố trí đủ nguồn lực, có giải pháp sớm ổn định đời sống cho đồng bào di cư đang sống phân tán trong các khu rừng ở Tây Nguyên; hạn chế tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ về nhà ở, quy hoạch dân cư vùng bão, lũ, ven sông, suối theo hướng an toàn, ổn định, phát triển bền vững.

Tiếp tục rà soát, quy hoạch, đầu tư hạ tầng dịch vụ thiết yếu để phát triển kinh tế cửa khẩu giao thương với các nước láng giềng. Có cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hệ thống chợ biên giới, chợ miền núi, chợ nông thôn và những loại hình chợ phù hợp để tiêu thụ sản phẩm hàng hóa; chợ truyền thống mang bản sắc dân tộc vừa là nơi giao thương, vừa góp phần giữ gìn văn hóa dân tộc, phát triển du lịch. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm tại chỗ, việc làm ở các khu công nghiệp, thành thị cho đồng bào DTTS. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, người DTTS thuộc các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, thỏa thuận quản lý lao động qua biên giới với các nước láng giềng để hạn chế rủi ro cho đồng bào DTTS đi làm thuê ngắn hạn.

*Năm là*, thực hiện tốt các chính sách xã hội ở vùng DTTS, trong đó cần chú ý:

- *Về giáo dục, đào tạo*: Rà soát, quy hoạch sắp xếp lại hệ thống mạng lưới trường, lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện vùng đồng bào DTTS và miền núi. Cùng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường phổ thông dân tộc bán trú, mở rộng trường phổ thông dân tộc bán trú ở các huyện nghèo. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo của các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường phổ thông dân tộc bán trú. Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện của địa phương và cơ sở giáo dục; gắn giáo dục và đào tạo với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa của địa phương. Triển khai có hiệu quả các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ em ở bậc mầm non và học sinh DTTS ở bậc tiểu học. Tổ chức dạy và học tiếng DTTS cho các dân tộc có chữ viết và có nhu cầu theo quy định. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp với học sinh vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người DTTS; có chính sách giải quyết việc làm, khuyến khích khởi nghiệp cho thanh niên. Phát triển các hình thức giáo dục nghề nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán dân cư trên địa bàn nhằm tạo điều kiện cho đồng bào DTTS học nghề, tự tạo việc làm, tham gia xuất khẩu lao động. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục nghề

ng nghiệp ở vùng đồng bào DTTS và miền núi, nhất là các trường dân tộc nội trú. Thực hiện dạy nghề theo nhu cầu lao động của xã hội theo hướng hỗ trợ sau đào tạo. Xây dựng các chương trình, mô hình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, hình thành thể hệ nông dân mới, biết ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thích ứng dần với cơ chế thị trường trong vùng DTTS. Đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, nâng tỷ lệ giáo viên là người DTTS. Xây dựng cơ chế đặc thù, bồi dưỡng nâng cao năng lực và chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- *Về y tế:* Đầu tư, nâng cấp, chuẩn hóa các trạm y tế xã, các bệnh viện tuyến huyện, tỉnh; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, năng lực khám chữa bệnh ban đầu ở tuyến cơ sở. Tăng cường đào tạo, phát huy vai trò của cô đỡ thôn bản. Thực hiện các chính sách hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, dân số và kế hoạch hóa gia đình, phụ nữ sinh con đúng chính sách, bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, bình đẳng giới, chăm sóc và bảo vệ quyền trẻ em DTTS,... Nghiên cứu chuyển một số chính sách trợ cấp sang hỗ trợ có điều kiện cho nhóm người DTTS khó khăn để tăng sự hưởng lợi tiếp cận trực tiếp với chính sách. Phát triển y học dân tộc kết hợp với y học hiện đại; đẩy mạnh y tế dự phòng, kiểm soát, ngăn chặn các dịch bệnh lớn. Giảm thiểu tiến tới xóa bỏ tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào DTTS. Triển khai đầy đủ, kịp thời các chương trình tiêm chủng mở rộng, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm; khuyến khích các phong trào luyện tập thể dục, thể thao, lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực của người dân vùng DTTS. Xây dựng và thực hiện chiến lược về nâng cao sức khỏe, tầm vóc thanh, thiếu niên các DTTS.

- *Về văn hóa:* Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với di tích lịch sử văn hóa ở từng vùng, từng địa phương; tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc cho đồng bào DTTS bằng nhiều phương thức như: ban hành các chính sách khuyến khích xây dựng thư viện tư nhân, thư viện cộng đồng, tủ sách xã; các ban, bộ ngành Trung ương phối hợp chỉ đạo, tăng cường luân chuyển sách báo và phát triển hệ thống các điểm phục vụ lưu động tại cơ sở; chú trọng đến các xuất bản phẩm bằng tiếng dân tộc; tạo điều kiện để nhân dân tham gia và phát huy vai trò làm chủ trong công cuộc xây dựng đời sống văn hóa mới, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Có chính sách hiệu quả để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội truyền thống, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các DTTS. Tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS từng bước hạn chế tiến tới xóa bỏ các hủ tục lạc hậu. Tăng cường công tác truyền thông bằng tiếng dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nâng cao năng lực cho các phóng viên, biên tập viên các chương trình phát thanh,

truyền hình bằng tiếng DTTS. Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai các hoạt động tuyên truyền trong vùng đồng bào DTTS. Hỗ trợ phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp phục vụ đồng bào DTTS; phát huy vai trò của các nghệ nhân dân gian; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ văn hóa là người DTTS .

### **Kết luận**

Có thể thấy, để ứng phó với những ảnh hưởng của bối cảnh quốc tế và trong nước, trong đó có những vấn đề tiêu cực, bất lợi, cần phải quyết liệt đổi mới chính sách dân tộc. Nhà nước ta đã nhanh chóng tổng kết chính sách, nhận diện vấn đề và khắc phục những hạn chế, yếu kém còn tồn tại để điều chỉnh, bổ sung chính sách theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Thông qua đó, tiến tới đổi mới mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên nền tảng khoa học công nghệ hiện đại; xây dựng cơ chế thực hiện chính sách cần hướng tới trao quyền cho dân, đảm bảo người dân tham gia vào mọi quá trình, công đoạn của chính sách, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào DTTS.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Thế giới (2016), *Báo cáo tổng quan Việt Nam 2035 hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, trên trang <https://openknowledge.worldbank.org>.
2. Ủy ban Dân tộc (2019), *Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về công tác dân tộc năm 2019*.
3. Ủy ban Dân tộc (2019), *Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược công tác dân tộc, giai đoạn 2011 - 2020*.
4. Ủy ban Dân tộc (2019), *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*.
5. Ủy ban Dân tộc (2018), *Kết quả điều tra kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2018*.